

Nghiên cứu về y thuật của Lãn Ông

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

» [Tiểu sử Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác](#)

Mục Lục

Phần 1:

QUAN NIỆM VỀ THẬN CỦA LÃN ÔNG ĐỐI CHIẾU VỚI TÂY Y

- A. Quan niệm về thận của Đông y qua các thời đại
- B. Sinh lý học và bệnh lý học về Mệnh môn
- C. Quan niệm về Thận của Lãn Ông đối chiếu với Tây y
- Kết luận
- Toát yếu / summary

Phần 2:

TRỊ LIỆU PHÁP CỦA LÃN ÔNG SO SÁNH VỚI TRỊ LIỆU PHÁP CỦA ÍT NHIỀU DANH Y TRUNG HOA

- A. Trị liệu pháp của ít nhiều danh y Trung Hoa
- B. Trị liệu pháp của Lãn Ông
- Kết luận

Phần 1

Quan niệm về Thận của Lãn Ông đối chiếu với Tây y ^[1]

Quan niệm về Thận của Lãn Ông có thể nói được là hết sức độc đáo.

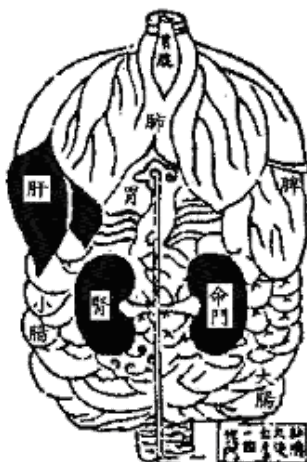
Quan niệm này đã được trình bày cặn kẽ trong quyển Huyền Tẩn Phát Vi và trình bày sơ lược trong quyển Châu Ngọc Cách Ngôn của cụ.

Cũng như Triệu Dưỡng Quì, tác giả bộ Y Quán, và Phùng Triệu Trương (Phùng thị, khoảng 1702), tác giả bộ Phùng Thị Cẩm Nang, Hải Thượng Lãn Ông không lấy Tâm làm trọng, mà lại lấy Thận làm trọng. ^[2]
Lãn Ông chủ trương: «Trời đất bên ngoài có Thái Cực thì thân thể con người bên trong có thận.» ^[3]

Chữ Thận đây không thể hiểu theo nghĩa thông thường như là một bộ phận bài tiết nước tiểu, mà phải hiểu như là một hệ thống gồm:

- Thận: cơ quan bài tiết nước tiểu.
- Mệnh môn: Một hạch nội tiết (glande endocrine), nói theo từ ngữ y học hiện nay.

圖之狀形府藏



Hình trích từ quyển Lăn Ông et la Médecine Sino-vietnamienne của P.Huard và Maurice, tr.295, hình D

A. QUAN NIỆM VỀ THẬN CỦA ĐÔNG Y QUA CÁC THỜI ĐẠI

Để vấn đề được sáng tỏ, trước hết thiết tưởng nên trình bày sơ lược về quan niệm Thận theo Đông y qua các thời đại.

1. Trước tiên Biển Thước (Tần, Việt Nhân, khoảng 225 tcn), tác giả Nạn Kinh, cho rằng:

Thận có hai trái, tả và hữu, y như trời đất có Âm Dương.

Trái bên tả là Thận; trái bên phải là Mệnh môn.^[4]

Sau này, Trương Trọng Cảnh (thế kỷ 2 cn) và nhiều danh y Trung Hoa cũng đã theo thuyết này.

2. Trương Giới Tân tức Cảnh Nhạc (1563-1640) cho rằng:

- Mệnh môn ở chính giữa (Dương).

- Hai quả thận ở hai bên (Âm).

Tất cả hợp lại thành quả Khảm, cũng có một hào Dương và hai hào Âm.



Quả Khảm và quả thận

3. Lăn Ông, theo Triệu Dưỡng Quì và Phùng thị, dựa vào quả Khảm và vào Thái Cực đồ, đã cho rằng Thận trong người chính là Thái Cực. Theo Lăn Ông, Thận gồm có:

- Hai quả Thận ở hai bên tả hữu, tức là hai nửa vành lớn của Thái Cực.
- Mệnh môn ở chính giữa, chủ về nam tinh nữ huyết, tức là chủ về sinh dục.
- Vòng tròn trắng bên phải gọi là Chân hỏa hay Tượng hỏa.
- Vòng tròn đen bên trái gọi là Chân thủy.

Hai vòng đen trắng: Chân thủy, Chân hỏa tương ứng với hai chấm nhỏ trắng đen mà ta thấy trong hình Thái Cực.

Trong quyển Huyền Tẩn Phát Vi, Lăn Ông đã vẽ hai hình để suy diễn Thái Cực ra Thận và các bộ phận.

Trong hệ thống Thận nói trên, đối với Lãn Ông, thì chỉ có Mệnh môn, Chân thủy, và Chân hỏa là quan trọng nhất.

Quyển Huyền Tẩn Phát Vi và quyển Châu Ngọc Cách Ngôn của Lãn Ông nguyên bản về Chân hỏa, Chân thủy, các chứng bệnh do chúng phát sinh cũng như cách trị liệu.

B. SINH LÝ HỌC VÀ BỆNH LÝ HỌC VỀ MỆNH MÔN

Như đã nói, Mệnh môn gồm có ba phần:

- Mệnh môn ở chính giữa, chủ trị Nam tính, Nữ huyết, tức là có ảnh hưởng nhiều đến cơ quan sinh dục. [5]

- Chân hỏa hay Tướng hỏa, thuộc Dương, chủ trì về sinh dục của con người.

- Chân thủy, thuộc Âm, điều khiển sự chuyển hóa về huyết dịch trong người.

Chân thủy, Chân hỏa trong con người cần phải hòa hợp, cộng tác với nhau thì cơ thể mới được khỏe mạnh, nếu như một bên mà thiên thắng, thì cơ thể sẽ mất thể quân bình và sẽ sinh bệnh tật. Một thầy thuốc giỏi chính là người biết điều hòa Âm Dương để gây lại được thể quân bình đã mất. [6]

Vì Chân hỏa, Chân thủy quan hệ bậc nhất như vậy, nên chúng ta sẽ khảo sát chúng một cách tường tận hơn.

1. Chân hỏa (Tướng hỏa, Long hỏa): le Principe thermique [7]

Chân hỏa góp phần rất lớn vào công cuộc biến dưỡng nơi con người (métabolisme).

- Nó chủ trì mọi sinh hóa.
- Nó giúp cho tỉ lệ hoạt động hân hoi, giúp cho sự tiêu hóa được dễ dàng.
- Nó giúp cho phổi được hoạt động hữu hiệu.
- Giúp khí huyết vận chuyển điều hòa.
- Nó giúp cho da thịt được săn khít.
- Nó giúp cho thần trí được minh mẫn.

a. Hỏa thịnh

Nếu hỏa thịnh (Dương thịnh), con người sẽ khỏe mạnh, thịt xương rắn chắc.

b. Hỏa kháng (hỏa thái quá)

Nếu hỏa thái quá (kháng Dương), sự sinh hóa sẽ bị kích thích quá mức, và con người sẽ táo khát, cơ thể sẽ mất nước. Đó là trường hợp «thượng nhiệt, hạ táo» mà Lãn Ông đề cập đến trong Châu Ngọc Cách Ngôn (q.thượng, tr.3a).

c. Hỏa hư

Nếu hỏa hư, các hiện tượng sinh hóa sẽ bị đình trệ, con người sẽ trở nên yếu đuối, xanh xao, lông tóc sẽ dễ rụng, tỉ lệ sẽ làm việc kém đi, sự tiêu hóa sẽ trở nên chậm chạp và con người sẽ bị sinh hơi, trướng bụng, ăn uống khó tiêu, hay bị ẩu tả. Mặt khác, da cũng không được săn khít, khiến các khổng (sphincters) không được bền chặt, cho nên hay bị nôn mửa, đi xông, di tinh, ra mồ hôi trộm, v.v.

Hỏa hư cũng có thể làm cho con người trở nên bì quện, hôn trầm.

Hỏa hư, Dương hư còn gây ra chứng «phù hỏa». Phù hỏa là hỏa bốc lên đầu, tan ra bì phu, trong khi đó thì chân tay lạnh, tạng phủ lạnh. Lãn Ông gọi thể là triệu chứng «thượng nhiệt, hạ hàn» (xem Châu Ngọc Cách Ngôn, q.1, tr.2a).

2. Chân thủy (le Principe aqueux)

Chân thủy chủ trì các sự vận chuyển tân dịch, huyết dịch trong người, làm cho cơ thể trở nên nhuần dưỡng, triển dương, lông tóc óng ả màu mỡ.

a. Thủy quá thịnh

Thủy quá thịnh sẽ làm cho huyết dịch trong người trở nên úng trệ (stase, infiltration d'eau, rétention d'eau, augmentation du volume sanguin), phù thũng (oedème).

b. Thủy hư

Nếu thủy hư, âm hư, huyết dịch trong người sẽ bị giảm thiểu (hémoconcentration, réduction des liquides extra-cellulaires), chẳng những thế, các tân dịch (sécrétions) trong người cũng giảm đi.

3. Phương pháp trị liệu

Phương pháp trị liệu ở đây là phải điều hòa Âm Dương.

a. Bổ thủy

Nếu hỏa thịnh, thủy hư, sẽ bổ thủy. Bổ thủy để chế Dương quang (bổ thủy dĩ chế Dương quang).

b. Bổ hỏa

Nếu thủy thịnh, hỏa hư, sẽ bổ hỏa. Bổ hỏa để dẫn hỏa qui nguyên, bổ hỏa để tiêu trừ sự u ám, khuất lấp của Âm (dẫn hỏa dĩ phản nguyên; bổ hỏa dĩ tiêu Âm ế).

Bổ hỏa bằng bài bát vị ; bổ thủy bằng bài lục vị.

c. Bát vị

Bài bát vị do Trương Trọng Cảnh (thế kỷ 2 tcn) sáng chế ra để chữa cho Hán Vũ Đế. Bài bát vị gồm 8 vị như sau:

* Bổ Âm (-) = 1. Đơn bì, 2. Phục linh, 3. Trạch tả.

* Bổ Dương (+) = 4. Quế, 5. Phụ.

* Bổ Âm (-) = 6. Thục địa, 7. Hoài sơn, 8. Sơn thù. [8]

d. Lục vị

Tiền Ất (thế kỷ XI, khoảng 1093) chuyên trị về nhi khoa đã bỏ hai vị Quế và Phụ trong bài bát vị nói trên mà chế thành bài lục vị.

Thoạt tiên Tiền Ất dùng bài lục vị để bồi bổ cho trẻ con mau lên cân, chóng lớn.

Sau này các danh y mới dùng lục vị để bổ thủy.

Trong quyển Huyền Tẩn Phát Vi ta thấy Lãn Ông chỉ dùng có hai bài bát vị và lục vị nói trên với những biến đổi gia giảm mà chữa được vô số kỳ bệnh, quái bệnh.

Tóm lại, đối với Lãn Ông:

- Thận là Thái Cực.
- Mệnh môn là Thái Cực.
- Thái Cực có Âm Dương.

- Mệnh môn có Chân thủy, Chân hỏa.

- Thái Cực, Âm Dương có quan trọng thế nào đối với vũ trụ thì Thận, Mệnh môn, Chân thủy, Chân hỏa cũng quan hệ đến sức khỏe con người như vậy.

Chữa bệnh mà chữa được tới căn bản, mà biết tài bồi căn bản thì lo chi bệnh không lành, người không khỏe.

C. QUAN NIỆM VỀ THẬN CỦA LÃN ÔNG ĐỐI CHIẾU VỚI TÂY Y

Quan niệm của Lãn Ông về Thận có rất nhiều điểm tương tự với những khái niệm mới mẻ nhất về Tuyến thượng thận (glandes surrénales; capsules surrénales; surrénales; adrenal glands) của Tây y.

1. Sự phân chia Mệnh môn của Lãn Ông ăn khớp với sự phân chia vỏ thượng thận (cortex surrénal; adrenal cortex) của sinh lý học hiện đại.

* Lãn Ông chủ trương:

- Chân hỏa chủ trì về sinh khí, sinh lực trong con người.

- Chân thủy chủ trì huyết dịch trong người.

- Mệnh môn chủ trì về sinh dục.

* Khoa sinh lý học ngày nay chủ trương:

Vỏ thượng thận gồm 3 phần:

- Vùng chùm (Zone fasciculée du cortex surrénal) tiết ra những chất glucocorticoïdes (như Hydrocortisone hay composé F. cortisone) ảnh hưởng rất sâu xa đến sự biến dưỡng (métabolisme) của chất đạm, chất thịt (matière protidique), chất đường (matière glucidique) và chất mỡ (matière lipidique) trong cơ thể và như vậy ảnh hưởng đến sinh lực trong người.

- Vùng võng đối (Zone réticulée du cortex surrénal) tiết ra những chất Minéralocorticoides (như Aldostérone, Désoxycorticostérone) ảnh hưởng lớn đến sự chuyển dịch của các chất điện giải (électrolytes) như Na (Sodium), K (Potassium), và Cl (Chlore); và như vậy, ảnh hưởng lớn đến số lượng tân dịch, huyết dịch trong người (métabolisme hydrique).

- Vùng đối cầu (Zone glomérulaire du cortex surrénal) tiết ra những kích thích tố sinh dục (như Hormone androgène, Hormone oestrogène, progestérone, v.v.) nhưng với số lượng rất ít, sánh với dịch hoàn (testicules) và buồng trứng (ovaires).

2. Các bệnh trạng mà Lãn Ông mô tả về Mệnh môn cũng tương tự như những bệnh trạng mà Tây y hiện nay mô tả về vỏ thượng thận.

a. Lãn Ông cho rằng nếu hỏa hư thủy thịnh, huyết dịch trong người sẽ ứ đọng, con người có thể sinh đàm suyễn, hay phình nước.

Nếu ta cho bệnh nhân dùng nhiều chất Désoxycorticostérone (thủy thịnh), ta cũng thấy những triệu chứng như trên (oedème, alcalose avec respiration superficielle).

b. Lãn Ông cho rằng nếu Tương hỏa mà hư, con người có thể trở nên hôn trầm bì quỵên, ăn uống khó tiêu; dễ ẩu, dễ tả; hoặc bị di tinh (spermatorrhée), bất lực (impuissance); thối nhão, hay mệt, hay đau bụng, đau người vì khí huyết chuyển vận không được điều hòa.

Nếu Chân thủy hư, con người sẽ ngày một trở nên khô kiệt (dessication progressive) hoặc mắc phải

những chứng huyết khô (hémococoncentration), gầy rạc (maigreux, cachexie).

Trong bệnh Addison (bệnh lao tuyến thượng thận), các vùng thượng thận đều bị thương tổn, ta thấy:

+ Những triệu chứng Âm hư như:

- Sự biến loạn trong sự chuyển dịch của nước và máu (perturbations du métabolisme de l'eau, hémococoncentration).

- Gầy rạc (cachexie progressive).

+ Những triệu chứng Dương hư như:

- Mệt mỏi (asthénie).

- Ẩu (= nôn mửa), tả (vomissement et diarrhée).

- Người lạnh (hypothermie).

- Bất lực (impuissance), vô tự (= vô sinh, stérilité).

- Đau bụng.

- Ngất (lypothymie), hôn mê (coma), xỉu (collapsus).

c. Lãn Ông cho rằng có nhiều bệnh trạng sinh ra là do sự mất quân bình của thủy hỏa.

Gần đây giáo sư Seylie cũng chủ trương rằng trước sự tấn công đa diện (situations stressantes) của tà khí, thất tình, tai nạn, vi trùng, độc tố, nhiều khi con người phản ứng lại một cách bừa bãi, không thích nghi; chính vì thế mà cơ thể bị giao động thác loạn, chấn kích nên sinh bệnh.

Những bệnh chứng do sự giao động, chấn kích, thác loạn ấy, truy nguyên là do não thủy (hypophyse) bị kích thích nên đã phát tiết ra những kích thích tố như hormone corticotrope (ACTH), hormone somatotrope (STH). Những kích thích tố này sẽ kích thích những vùng của vỏ thượng thận (cortex surrénal) làm cho nó tấy lên (hypertrophie) và tiết ra những chất glucocorticoides, ảnh hưởng đến sự biến dưỡng (métabolisme) và minéralocorticoides ảnh hưởng đến tân dịch (sécrétion), huyết dịch (sang et liquides extracellulaires).

Như vậy các bệnh do sự phản ứng bừa bãi (syndrome de mal-adaptation, syndrome d'adaptation) sinh ra cũng là do sự mất quân bình giữa thủy (hormones minéralocorticodes) hỏa (hormones glucocorticodes).

d. Lãn Ông chủ trương rằng: Trẻ con thời «thuần Dương vô Âm» nên sự biến dưỡng rất dễ bị kích động, huyết dịch rất dễ bị suy vi, vì thế chỉ được dùng lục vị (cf. Châu Ngọc Cách Ngôn, tr.38).

Những người lớn thì hai khí Âm Dương quân bình hơn.

Còn những người già thì Âm Dương nhị khí đều suy.

Giáo sư Seylie cũng viết: «Trẻ con phản ứng mạnh, nên mau bệnh cũng như mau lành. Người lớn phản ứng ít hơn nên quen với các sự kích động của ngoại cảnh. Còn những người già thì yếu ớt đối với bệnh tật và các sự chấn kích của cuộc đời, vì thế nên dễ chết.» [\[9\]](#)

KẾT LUẬN

Ta có thể không đồng ý với Lãn Ông ở chỗ ngài coi Thái Cực trong thân người là Thận và Mệnh môn, vì Thái Cực phải là toàn thể con người, không phải là cái trứng nguyên thủy khi thụ tinh và bắt đầu phân hóa.

Ta có thể không đồng ý với Lãn Ông ở chỗ ngài cho rằng Mệnh môn đã có trước tất cả các tạng phủ, vì theo khoa phôi thai học (embryologie) ngày nay, thực tế không phải như vậy.^[10]

Nhưng ta không thể không bái phục ngài, vì ngài đã đi từ Thái Cực, từ quẻ Khảm mà suy ra được Mệnh môn cùng với Chân thủy, Chân hỏa, và áp dụng Dịch lý để suy diễn ra các trạng thái Âm Dương suy thịnh trong con người.

Tây y đã dùng khoa giải phẫu, dùng kính hiển vi, dùng các phương pháp khoa học mà khám phá ra được vỏ thượng thận (cortex surrénal) và các công năng của nó.

Nhưng khi ta đối chiếu lại kết quả của hai đàng cũ mới, thì thấy đôi bên cũng không mấy khác nhau.

Đó chẳng phải là điều đáng làm cho chúng ta ngỡ ngàng hay sao?

Ngoài ra cũng phải ghi nhận rằng Lãn Ông và Phùng thị đã bàn về Mệnh môn, đã chữa về thủy hỏa từ thế kỷ XVIII. Ấy là ta chưa muốn nói rằng quan niệm về Mệnh môn đã manh nha từ thời Biển Thước (225 tcn), các phương dược để trị thủy hỏa đã có từ thời Trương Trọng Cảnh (thế kỷ 2 tcn) và Tiền Ất (thế kỷ 11).

Ngược lại, tất cả những khám phá về «Tuyến thượng thận» chỉ có từ thế kỷ XIX đến nay.

Các bài bát vị, lục vị đã có từ thời Trọng Cảnh (thế kỷ II tcn) và Tiền Ất (thế kỷ XI cn), còn các chất ACTH, STH, Cortisone, Hydrocortisone, và Désoxycorticostérone mới được tinh chế khoảng chừng mấy chục năm nay.

Thiết tưởng những bài thuốc hay như bát vị, lục vị, những bài thuốc tỏ ra hiệu nghiệm từ nhiều thế kỷ qua rất đáng được chúng ta quan tâm mà khảo sát lại.

Giáo sư Huard cho rằng khi so sánh Mệnh môn của Lãn Ông với các Tuyến thượng thận của Tây y, tôi đã có hảo ý muốn bắc một nhịp cầu giữa Đông y và Tây y.^[11] Tôi xét mình chưa xứng đáng với lời khen tặng đó.

SUMMARY

THE «KIDNEYS» IN ORIENTAL MEDICINE by NGUYEN VAN THO

According to Oriental medicine, the «kidneys» are not only the two pea-shaped organs of modern anatomy. With this word, one must conceive a complicated system, including the genito-urinary tract and the endocrine glands, the adrenal cortex in particular.

The author, analysing two volumes of Lan Ong's encyclopedia, suggests that the right kidney, known in traditional medicine as the «Gate of Life» with its three elements (thermal, aqueous, and sexual) might be likened to the three historical zones of the cortex, namely the zona glomerulosa, the zona fasciculata, and the zona reticularis.

(Phuong Dong, November 1972, No 17)

Phần 2

Trị liệu pháp của Lãn Ông so sánh với trị liệu pháp của ít nhiều danh y Trung Hoa ^[12]

Nói đến trị liệu pháp (thérapeutique, principes thérapeutiques), tức là đề cập đến một vấn đề hết sức bao quát của y học. Vì thế, trong khuôn khổ một bài báo chúng ta không thể nào đi vào được hết các chi tiết. Chúng ta chỉ có thể phác họa ít nhiều nét đại cương, ít nhiều đường lối chính yếu của các danh y, ngõ hầu soi sáng cho chúng ta một phần nào trên con đường khảo sát Đông y. Chính vì thế mà trước hết xin quý vị lượng thứ cho sự sơ lược của bài này.

A. TRỊ LIỆU PHÁP CỦA ÍT NHIỀU DANH Y TRUNG HOA

1. Trước hết, tưởng cũng nên nhắc lại rằng Đông y đã được xây nền đắp tảng trên bộ Nội Kinh.

Nội Kinh gồm hai quyển:

- Tố Vấn gồm 81 chương.
- Linh Khu gồm 81 chương, nói về châm cứu.

Tuy sách như là thuật lại lời đàm thoại giữa Hoàng Đế (2696-2598 tcn) với Kỳ Bá, nhưng có lẽ sách chỉ được viết ra khoảng 1000 năm trước công nguyên. Có người lại cho rằng bộ Nội Kinh được viết khoảng thế kỷ 4 tcn. [\[13\]](#)

Bộ Nội Kinh cho chúng ta các khái niệm về cơ thể học, bệnh lý học, và trị liệu pháp (thérapeutique).

Về phương diện bệnh lý học (pathogénie) chẳng hạn, Nội Kinh đã chia nguyên nhân sinh bệnh thành hai loại:

- a. Ngoại cảm, do lục dâm: phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa.
- b. Nội thương, do sự thương tổn của khí huyết, tạng phủ, Âm Dương, gây ra bởi:
 - Thương thực.
 - Lao lực.
 - Sắc dục.
 - Thất tình (hỉ, nộ, ưu, tư, bi, kinh, khủng). [\[14\]](#)

Tuy nhiên Nội Kinh không đưa ra một phương thuốc nào nhất định và chỉ chuyên chú về châm cứu.

2. Đời nhà Chu, ta còn thấy hai triết thuyết về bệnh lý:

- Triết thuyết thứ nhất cho rằng bệnh tật sinh ra là do nhị khí Âm Dương trong người không được điều hòa.

- Triết thuyết thứ hai cho rằng bệnh tật sinh ra do ngũ hành trong người không được quân bình.

Tuy nhiên, trước đời nhà Hán (thế kỷ 2 tcn) thì phương pháp trị liệu nằm gọn trong các khoa:

- Châm (acupuncture).
- Cứu (moxa).
- Ấn ma (kinésithérapie, massage).

3. Mãi đến đời Hán, Trương Trọng Cảnh (đỗ tiến sĩ năm 163 đời Hán Linh Đế) mới mở một tân kỳ nguyên cho nền y học Trung Hoa.

Ông khảo sát các bệnh theo bệnh trạng (manifestations cliniques) tìm căn do bệnh tật, định phương pháp trị liệu bằng thuốc men. Ông viết hai quyển về y học là:

- Thương Hàn luận.

- Kim quỹ.

Trương Trọng Cảnh chủ trương rằng tà khí xâm nhập vào cơ thể con người do 6 Kinh từ ngoài vào trong (từ biểu vào lý) theo thứ tự sau đây:

- (1) Thái Dương kinh (Thủ thái dương, Tiểu tràng kinh, Túc thái dương, Bàng quang kinh)
- (2) Dương Minh kinh (Thủ dương minh, Đại tràng kinh, Túc dương minh, Vị kinh)
- (3) Thiếu Dương kinh (Thủ thiếu dương, Tam tiêu kinh, Túc thiếu dương, Đờm kinh)
- (4) Thái Âm kinh (Thủ thái âm, Phế kinh, Túc thái âm, Tì kinh)
- (5) Thiếu Âm kinh (Thủ thiếu âm, Tâm kinh, Túc thiếu âm, Thận kinh)
- (6) Quyết Âm kinh (Thủ quyết âm, Tâm bào lạc kinh, Túc quyết âm, Can kinh)

Tổng quát mà nói:

* Bệnh ở kinh Dương, thuộc Dương, Biểu (ngoài), Nhiệt và Thực, cho nên có thể dùng những thuốc:

- Công, như phát hãn (làm cho ra mồ hôi) hoặc bằng bài Ma hoàng thang^[15] hoặc Quế chi thang^[16] (bệnh ở Thái Dương kinh).

- Hạ (cho đi xông) bằng bài Thừa khí thang^[17] (bệnh ở Dương minh kinh).

- Hoặc Hòa hoãn bằng bài Tiến sài hồ thang^[18] (bệnh ở Thiếu Dương kinh).

* Bệnh ở các kinh Âm thuộc Âm, Lý (bên trong), Hàn và Hư, vì thế phải dùng thuốc Ôn bổ như:

- Tứ nghịch thang (tăng sức nóng)(bệnh ở Thiếu Âm kinh).^[19]

- Lý trung thang (bệnh ở Thái Âm kinh).^[20]

- Đương qui tứ nghịch thang (bệnh ở Quyết Âm kinh).^[21]

Trương Trọng Cảnh được coi là một vị thánh y của Trung Quốc. Ông đã để lại 113 phương (ordonnances magistrales) và 397 y án (schémas de traitement).

Trần Tu Viên (khoảng 1803), trong thiên Cổ kim y luận, cho rằng Trương Trọng Cảnh đã biết mọi phương pháp chữa bệnh:

- Công (médication agressive)
- Bổ (médication tonique)
- Ôn (médication réchauffante)
- Lương (médication rafraîchissante)

Lại biết:

- Tiên công hậu bổ.
- Tiên bổ hậu công.
- Hàn nhiệt kiêm thi.
- Công bổ tịnh dụng, v.v.

Mọi lương y sau này chỉ khai thác được một khía cạnh nào đó của Trương Trọng Cảnh mà thôi.

4. Sau Trương Trọng Cảnh, bằng đi một thời gian khá lâu, không ai đưa ra được một chủ xướng gì mới mẻ. Mãi đến đời nhà Kim, Nguyên (1206-1368) mới thấy có những danh y xuất hiện, đưa ra những chủ

xướng mới mẻ. Đời Kim Nguyên có 4 danh y mà đời sau gọi là Kim Nguyên tứ đại gia [22] hay «Trương, Lưu, Lý, Chu, tứ tử». Đó là:

- Lưu Hoàn Tố, t71c Thủ Chân (giữa khoảng 1115-1260).
- Trương Tông Chính, tức Trương Tử Hòa (1155-1260)
- Lý Cảo, tức Lý Đông Viên (1179-1251)
- Chu Chấn Hanh, tức Chu Đơn Khê (1281-1358) [23]

a. Lưu Hoàn Tố, tự Thủ Chân (giữa khoảng 1115-1260).

Lưu Hoàn Tố chủ trương rằng các bệnh sinh ra trong người vì Nhiệt thịnh. Vì thế ông chủ trương dùng các vị thuốc hàn lương. Ngoài ra ông cũng dùng các loại thuốc:

- Thở (vomitifs)
- Hạ (laxatifs ou purgatifs)
- Hãn (diaphorétiques)

Lưu Thủ Chân còn chủ trương rằng Âm Dương, Ngũ hành, Ngũ vận là nguyên nhân sinh ra bệnh tật.

Sau này Trương Giới Tân (1563-1640) đã đả kích Lưu Thủ Chân và cho rằng các môn thuốc hàn lương của ông chỉ có ích cho những người Trung Hoa ở phương Bắc, khỏe mạnh, chứ không thích hợp những người Trung Hoa ở phương Nam, yếu hơn. [24]

b. Trương Tông Chính, tự Tử Hòa (1155-1260).

Trương Tử Hòa chủ trương rằng các bệnh sinh ra là do tà khí bên ngoài đột nhập vào cơ thể, nên cần phải trừ khử bằng các thuốc công, hạ (médication diaphorétique, émétisantes, purgatives, laxatives). Ông đặc biệt ưa dùng thuốc hạ (purgatifs).

c. Lý Cảo, tự Đông Chi, hiệu Đông Viên (1179-1251)

Lý Đông Viên cho rằng các bệnh sinh ra là do sự mất quân bình giữa Tì (-) và Vị (+); Vì thế, ông chuyên môn bổ Tì. Chính ông đã sáng chế bài Bổ trung ích khí thang.

d. Chu Đơn Khê, tự Ngạn Tu, hiệu Chấn Hanh (1281-1358)

Chu Đơn Khê chủ trương rằng các bệnh sinh ra là do ăn uống thiếu chất bổ dưỡng. Ông lại cho rằng trong người Âm thường bất túc, Dương thường hữu dư. Vì thế ông chuyên bổ Âm.

5. Đến đời Minh (1368-1644), ta lại thấy y học chia ra thành nhiều phái:

a. Công hạ phái. Phái này chủ trương như Trương Tử Hòa xưa rằng nên dùng các loại thuốc công, hạ.

b. Dưỡng Âm phái. Phái này theo chủ thuyết của Chu Đơn Khê, dùng các thuốc bổ âm.

c. Ôn bổ phái. Phái này do các lý thuyết gia sau đây lãnh đạo:

- Tiết Dĩ, tự Lập Trai (khoảng 1500-1560)
- Trương Giới Tân, tự Huệ Khanh, hiệu Cảnh Nhạc (1563-1640)

Ôn bổ phái chủ trương: Dương khí trong người chính là sinh khí, khó được và dễ mất, vì thế phải dùng thuốc ôn bổ để dưỡng Dương khí, chứ không được dùng những thuốc hàn, lương.

Tóm lại ta thấy các danh y Trung Hoa:

a. Người thì lưu tâm đến tà khí và chỉ chuyên dùng thuốc công, hạ để trừ khử.

b. Người thì lưu tâm đến cơ thể con người, và cho rằng các bệnh sinh ra là do Âm Dương nhị khí không điều hòa, hoặc Tì, Vị mất quân bình cho nên:

- Hoặc chủ trương bổ Âm (bổ thận thủy, bổ huyết)
- Hoặc chủ trương bổ Dương (bổ thận hỏa, bổ khí)
- Hoặc chủ trương bổ Tì.

Vì thế đã có nhiều người tóm tắt trị liệu pháp của Trung Hoa bằng bốn chữ Công, Lương, Ôn, Bổ.

B. TRỊ LIỆU PHÁP CỦA LÃN ÔNG

Những nguyên tắc trị liệu của Lãn Ông hết sức sáng suốt và vững vàng. Trong quyển Y hải cầu nguyên nơi chương Hư Thực, ông viết đại khái như sau:

«Các bệnh nội thương càng ngày càng tăng, vì phong hóa suy đồi, tiết khí trở nên ô trọc hơn. Con người bị ảnh hưởng ngoại cảnh, càng ngày càng trở nên yếu đuối.

«Vì thế thời cổ người ta dùng các bài thuốc công phạt như Ma hoàng, Thừa khí.

«Thời trung cổ, người ta đổi phương lược, và dùng những thuốc vừa bổ vừa tả như Sâm tô thang, Nhân sâm bại độc tán.

«Sau này, Lý Đông Viên lại sáng chế ra các bài:

- Bổ trung ích khí
- Nhân sâm dưỡng vinh thang, chỉ gồm toàn vị bổ.

«Các cách trị liệu ấy, theo đà thời gian, đều có kết quả, chứng tỏ rằng cơ thể con người ngày một suy yếu hơn.

«Cho nên ngày nay những thuốc công, hạ ít được dùng, trái lại, các thuốc ôn bổ ngày một được dùng nhiều hơn.» [\[25\]](#)

Tuy nhiên các bệnh do ngoại thương, ngoại cảm. các bệnh thực chứng không phải là không có.

Như vậy phải có những tiêu chuẩn chính xác để phân biệt thực chứng do ngoại cảm với hư chứng do nội thương, để mà tùy nghi tả (trong trường hợp thực chứng) hay bổ (trong trường hợp hư chứng).

Lãn Ông cho ba tiêu chuẩn sau đây:

- + Xem tạng người bệnh nhân mạnh yếu ra sao.
- + Xem mạch mạnh yếu ra sao.
- + Xem bệnh diễn biến ra sao.

1. Xem tạng người bệnh nhân mạnh yếu ra sao.

Lãn Ông viết trong Châu Ngọc Cách Ngôn như sau:

«Quan hình dĩ bẩm nhược bẩm cường, xác kỳ vi hư vi thực nhi trị.» (Xem hình sắc để nhận biết người yếu hay người mạnh, để xác định là hư chứng hay thực chứng mà trị.)

Ông bình tiếp:

«Những người bẩm thụ phong hậu, tuổi trẻ, sức mạnh, khí huyết đầy đủ, xương thịt cân xứng, nếu lỡ có đau yếu thì nên lấy thực chứng mà trị.

«Những người bẩm thụ sơ bạc, tuổi già sức yếu, người mắc bệnh nặng, người đau yếu lâu ngày hay đàn bà sản hậu và người tuổi đã nhiều mà còn trẻ, nếu bị cảm thương, trước sau nhất thiết cứ theo hư chứng mà trị.

«Sách Nội Kinh viết rằng: ‘Việc trị liệu, trước nên xét về nguyên khí làm chủ đã, rồi sau mới tìm đến bệnh tật, ý nghĩa ấy thật sâu xa’.» [\[26\]](#)

2. Xem mạch mạnh yếu ra sao.

Lăn Ông viết trong Châu Ngọc Cách Ngôn:

«Sát mạch dĩ hữu lực vô lực, minh ư khả bổ khả tả chi cơ.» (Xét mạch để nhận biết hữu lực, vô lực mà quyết định là nên bổ hay nên tả cho rõ.)

Ông bình tiếp:

«Trong sách Mạch yếu quyết của Dụ Gia Ngôn nói rằng không cần phải hỏi là mạch phù hay trầm, mạch đại hay tiểu ở bộ nào, chỉ thấy cứ trọng án đến tận xương mà còn thấy hữu lực, hữu thần, là «thực»; nếu vô lực, vô thần, là «hư».

«Ta mới xem qua câu sách ấy, tưởng nói như vậy thì sơ lược, thiếu cận quá; nhưng từng thí nghiệm mỗi khi xét mạch, mà có sự nghi ngờ là hư hay thực, rồi chiêm nghiệm lời dạy trên, thì thực chẳng sai một mảy may. Lời dạy của bậc Tiên triết thực là đúng.» [\[27\]](#)

Ta có thể dịch hai câu:

«Quan hình dĩ bẩm nhược bẩm cường, xác kỳ vi hư vi thực nhi trị.» và «Sát mạch dĩ hữu lực vô lực, minh ư khả bổ khả tả chi cơ.» thành mấy câu lục bát như sau:

«Xem người mạnh yếu ra sao,
Bệnh hư, bệnh thực lẽ nào chẳng phân.

Mạch tùy mạnh yếu chuyển vần,
Tức thì tả bổ sẽ lần ra ngay.»

3. Xem bệnh diễn biến ra sao.

a. Những thực bệnh do ngoại cảm, thường bạo phát, nhưng bạo biến.

b. Những «hư chứng» do nội thương, thường phát hiện một cách chậm chạp, nhưng lại dai dẳng, khó hết.

c. Những bệnh mới mắc hoặc do ngoại cảm, hoặc do nội thương.

d. Những bệnh kinh niên chắc chắn là do nội thương. [\[28\]](#)

Khi đã định được là hư chứng rồi, thì Lăn Ông lại nhận định thêm như sau:

* Bệnh nhẹ mới mắc là do:

- Khí hư, chữa bằng bài Tứ quân. [\[29\]](#)
- Hoặc huyết hư, chữa bằng bài Tứ vật. [\[30\]](#)

* Bệnh mắc đã lâu ngày, hoặc là kỳ bệnh, quái bệnh, là do:

- Hỏa hư, sẽ chữa bằng Bát vị. [\[31\]](#)

- Thủy hư, sẽ chữa bằng Lục vị.^[32]

Lăn Ông viết trong Châu Ngọc Cách Ngôn:

«Phàm những bệnh đã thuộc hư chứng (khí huyết đều suy yếu), mà những chứng bệnh lặt vặt ở ngoài nó nhiều như ong vỡ tổ (ví dụ: nào là ho, đau đầu, chóng mặt, nào là đau lưng mỏi gối, nào là đau bụng đau răng, ôi đủ thứ). Nhưng nhất thiết không tìm tòi quanh quẩn chi li, mà thấy đâu trị đó, chẳng hạn thấy đau đầu thì trị đau đầu; thấy đau chân thì trị đau chân, v.v. Chỉ cần tìm căn bản mà trị, hễ cái cây mà vun đắp được thì cành lá tốt tươi; hễ cái bệnh gốc mà trị được, thì các bệnh ngọn tự nhiên hết.

«Sách Nội Kinh rằng: ‘Trị kỳ nhất, tắc bách bệnh tiêu; trị kỳ dư tắc đầu tự loạn.’ (trị mỗi bệnh gốc thì trăm bệnh khác tiêu; nếu trị bệnh dư thừa, thì đầu mối rối beng). Cho nên những hư chứng vừa vừa thì trách cứ vào khí huyết hữu hình ở hậu thiên mà trị; những chứng đã hư nhiều, thì tìm vào thủy hỏa vô hình ở tiên thiên mà trị.

«Sách Nội Kinh rằng: ‘Tiểu bệnh tất do khí huyết chi sở thương, đại bệnh tất cầu thủy hỏa chi vi hại.’ (những bệnh nhỏ hẳn do khí huyết làm đau, những bệnh lớn hẳn do thủy hỏa làm hại.) Như vậy trị bệnh nhỏ mà bỏ khí huyết không trị; trị bệnh lớn mà bỏ thủy hỏa không trị, lại đi tìm những bệnh lặt vặt mà trị, thật là kẻ leo lên cây mà kiếm cá, làm sao có cá được?»^[33]

Ngoài ra, ta cũng thấy rằng Lăn Ông chủ trương cần phải lưu tâm đến sự suy yếu dần dà của cơ thể con người theo đà thời gian; đến những điều kiện địa dư, hoàn cảnh xã hội, những sự khác biệt về sự phản ứng của mỗi một người và vì thế không được nhắm mắt dùng những phương thuốc cho bệnh nhân mọi loại, bất phân khỏe yếu, mà cần phải biết biến chế gia giảm.^[34]

Lăn Ông ưa dùng hai phương thuốc Bát vị và Lục vị và đã dùng hai phương ấy để chữa nhiều bệnh khác nhau.

Sở dĩ được như vậy vì Lăn Ông đã biết chế biến, gia giảm, làm cho hai phương thuốc ấy trở nên biến hóa, linh động vô cùng.

Nói thế tức là Lăn Ông đã không dùng thuốc một cách trần trần cố định, mà biết tùy nghi biến chế để cho thuốc xứng với bệnh, thuốc xứng với người. Phùng thị gọi thế là hoạt pháp.^[35]

KẾT LUẬN

Sánh trị liệu pháp của Lăn Ông với trị liệu pháp của các danh y Trung Hoa ta thấy Lăn Ông đã lãnh hội được chỗ vi diệu của y lý Trung Hoa, nên đã có những chủ xướng hết sức độc đáo, những sáng kiến riêng tư, không chịu lệ thuộc vào những khuôn khổ cố định của tiền nhân. Như thế mới gọi là biết làm thuốc.

Cuối cùng xin mạn phép kết bài này bằng một câu Nội Kinh: «Tri yếu giả, nhất ngôn nhi chung; bất tri yếu giả, lưu tán vô cùng.»

Dịch:

Biết thời một chữ là xong,

Không rành yếu chỉ, lung tung tán loạn.^[36]



CHÚ THÍCH

- [1] Đã đăng tạp chí Phương Đông, số 17, tháng 11-1972, chủ đề Y Lý Đông Phương. - Bài này phỏng theo chương Étude critique du livre «Les Secrets des Reins révélés» trong Les Secrets des Reins révélés, luận án y khoa của tác giả, đệ trình tại Y Khoa Đại Học Đường Hà Nội, tháng 12-1952.

Luận án này đã được giải thưởng luận án năm ấy, và đã được giáo sư Pierre Huard toát lược và phê bình trong quyển Bibliographie - Études historiques sur l'ancienne médecine au Vietnam et en Chine (B.S.E.I., N.S., Tome XXX, No2, 2è trimestre 1955, tr.180-181) và đề cập đến nhiều lần trong các sách khác như: Lăn Ông et la Médecine Sino-vietnamienne (B.S.E.I., N.S., Tome XXVIII, No, 3è trimestre 1953, tr.224), và P.Huard et Wong Ming, La Médecine chinoise au cours des siècles, Les Éditions Roger Dacosta Paris, 1959, tr.113.

Gần đây, BS Hồ Chung Tú, trong quyển luận án của ông, nhan đề là Tư Tưởng và Sự Nghiệp của Lăn Ông (15-8-1971) cũng đã trích dịch đoạn dài để cho vào luận án của ông, từ tr.76 đến tr.101.

- [2] Phùng thị Cẩm Nang, q. 1, tr.47: Bình Triệu thị Y Quán thuyết.
- [3] Lăn Ông, Huyền Tẩn Phát Vi, tr.3-9.
- [4] Xem Phùng thị Cẩm Nang, một bản, q.2, tr.3b.
Hải Thượng Lăn Ông, Huyền Tẩn Phát Vi, tr.5b.
- [5] Xem Huyền Tẩn Phát Vi, tr.5b và 6a.
- [6] Vô Dương tắc Âm vô dĩ sinh, vô Âm tắc Dương vô dĩ hóa (Châu Ngọc Cách Ngôn, tr.15a) - Bổ thủy chế Dương quang, bổ hỏa dĩ tiêu Âm ế...
- [7] Những chữ Principe thermique và Principe aqueux là do tôi sáng tạo khi làm luận án để dịch những chữ Chân hỏa, Chân thủy.
- [8] Cách xếp 8 vị trên theo hình quả Khảm đã được thấy trong P.Huard và Wong Ming, Bibliographie de la Médecine chinoise (B.S.E.I., N.S., Tome XXXI, No3, 1956, tr.2). Ta cũng có thể phân chia như sau: (1) Bổ hỏa: Quế, Phụ. (2) Bổ thủy: Thục địa, Sơn thù. (3) Bổ tì: Hoài sơn, Phục linh. (4) Thanh nhiệt: Đơn bì. (5) Tả: Trạch tả.
- [9] Xem Nguyễn Văn Thọ, Les Secrets des Reins révélés, luận án, tr.125.
- Guyton, Textbook of Medical Physiology, Saunders, 1963, chương 74, từ tr. 99 trở đi.
- [10] Xem Bradley M. Patten, Human Embryology, 1948, tr.74.
- [11] «Corrigé par une longue pratique médicale, la thèse de Lăn Ông, brillamment exposé par M. Thọ, retient l'attention, même lorsqu'il assimile les 3 éléments de la «Porte de Vie» (thermique, aqueux, et sexuel) aux 3 zones historiques (fasciculée, réticulée et glomérulée) de la surrénale et lorsqu'il établit une comparaison avec le syndrome d'adaptation de Seylie. Elle joue sur la pathogénie chinoise des maladies attribuées soit à des influences externes, soit à des perturbation internes.

Bien que nous soyons là en présence d'une extrapolation de la pensée sino-vietnamienne, on doit savoir gré à l'auteur de son énorme effort et de son désir louable de jeter des ponts entre la médecine extrême-orientale et de la médecine extrême-occidentale.»

Pierre Huard, Bibliographie - Études historiques sur l'ancienne médecine au Vietnam et en Chine (B.S.E.I., N.S., Tome XXX, No2, 2è trimestre 1955, tr.181)

[12] Đã đăng tạp chí Phương Đông, số 18, tháng 12-1972, chủ đề Y Lý Đông Phương.

[13] P.Huard và Wong Ming, Bibliographie de la Médecine chinoise (B.S.E.I. N.S., Tome XXXI, No3, 3e trim. 1956.

Bị chú: Trong bài này xin miễn bàn về những vấn đề thông thường như: Hư thực, Hàn nhiệt, Biểu lý, Thủy hỏa, v.v. cũng như không bàn về các phương pháp trị liệu khái quát như: bổ (toniques), hãn (diaphorétiques), hạ (laxatifs, purgatifs), hòa giải (régulateurs), thanh (dépuratifs, rafraichissants), ôn (réchauffants), thẩm (diurétiques), thổ (vomitifs), tiêu (dissolvants), cố sáp (astringents), trấn (tranquillisants), v.v.

[14] Bách bệnh lập danh tuy phiên, nhiên bất viết Âm Dương, ngũ hành sinh khắc, lục dâm, thất tình, ngũ hỏa dữ ẩm thực, lao quyền tương hiệp truyền biến nhi dĩ. Kinh sở vị: Tri kỳ yếu giả nhất ngôn nhi chung; bất tri kỳ yếu, lưu tán vô cùng giả thử nhĩ.

Phùng thị Cẩm Nang, q.2, chương Thất tình luận, tr.34a.

... Như vậy thất tình đây không phải «Ai, cụ, hỉ, nộ, ái, ố, dục» như ta thường hiểu. Xem Phùng thị Cẩm Nang, q.2, chương Thất tình luận, tr.33b và xem P.Huard et M. Durand, L'Âme et la Médecine Sino-vietnamienne (B.S.E.I., N.S., Tome XXVIII, No, 3è trim.1953, tr.47)

[15] Ma hoàng thang: trị thương hàn. Thái dương chứng, tà còn ở ngoài, phát nóng, nhức đầu, mình mẩy thất lưng và khớp xương đau; cổ cứng, sợ gió, sợ lạnh, không mồ hôi, khô khè, mạch khẩn. Ma hoàng (3 lượng), Quế chi (2 lượng), Hạnh nhân (20 hạt), Chích cam thảo (1 lượng). (Các bài thuốc và lời bình rút trong: Phạm Văn Điều, Đông Y Dược Học Khóa Toát Yếu)

[16] Quế chi thang: Trị Thái dương, trúng phong, Dương phù Âm nhược, phát nóng, nhức đầu, ghét gió, ghét lạnh, nhảy mũi, oẹ khan. Quế chi, Thược dược, Sinh khương (mỗi thứ 3 lượng); Chích cam thảo (2 lượng); Đại táo (12 trái). Uống nóng sau đó ăn cháo nóng, ra mồ hôi thì thôi; chưa ra mồ hôi thì cho uống thêm.

[17] Thừa khí thang (thuốc xổ): Trị bệnh thương hàn, Dương minh chứng, bao tử đầy, táo bón, phát nóng, nói sảng, mồ hôi râm rấp, no đầy, buốt rút. -- Có 2 bài: Đại thừa khí và Tiểu thừa khí. Đại thừa khí: Đại hoàng tẩm rượu (5 chỉ), Mang tiêu (4 chỉ), Hậu phác (3 chỉ), Chỉ thiết (3 chỉ). Nấu Hậu phác và Chỉ thiết trước, sau cho Đại hoàng; khi rót xuống trộn mang tiêu. Tiểu thừa khí: Chỉ có Đại hoàng, Chỉ thiết, Hậu phác.

[18] Tiễn sài hồ thang: Có tính hoãn trị rét mới phát, hoặc thương hàn, ... kinh, Thiếu Dương. Sài hồ (8 chỉ), ...Nhân sâm, Cam thảo, Hoàng Cầm, mỗi ... thêm gừng táo. (các chỗ ... là bị mất chữ trong bản photo)

[19] Tứ nghịch thang: trị thương hàn thuộc tam âm, mình đau, bụng đau, đại tiện nguyên đồ ăn, ghét lạnh, không nóng, [...] lạnh ngắt, hoặc không ghét lạnh mà buốt rút, trong lạnh ngoài nóng, hoặc ới mưa, cổ đau, mạch trầm, vi tế, sắp tuyệt. - Phụ tử sống (1 củ), Càn khương (1 [...]), Chích cam

thảo (2 lượng). Nấu cho uống. (ghi chú: các chỗ [...] là bị mất chữ trong bản in)

[20] Lý trung thang: Trị thương hàn, Thái âm, tiêu chảy, không khát, [...] đau bụng, mạch trầm, không sức, chân tay móp, co quắp, tức ngực, nghẹn, ói ra [...] - Bạch truật (sao với đất vách cũ) (2 [...]), Nhân sâm, Càn khương (sao vàng), Cho mỗi vị 1 lượng, tán nhuyễn, cho uống tiếp 4 chỉ.

[21] Đương qui tứ nghịch thang: Trị thương hàn Quyết Âm, chân tay lạnh, mạch nhỏ, sắp tuyệt.- Đương qui ([...]), Bạch thược, Tế tân mỗi vị 3 lượng, Cam thảo, Thông thảo mỗi vị 2 lượng, Táo (25 trái). Nấu cho uống nhiều [...] nhiều thang.

Bị chú: Dĩ nhiên, đây chúng ta chỉ [...] sơ lược một vài phương thang của Trọng Cảnh. Thực ra ông có hơn 100 thang. Đọc thêm: Trần Tu Viên, Thương [...] phương thang ca quyết. Đỗ Đình Tuấn, Đông Y lược khảo [...] (chương Lục kinh chính bệnh, tr. [...]). Phạm văn Điều, Đông y dược học khảo yếu, các tr. 252, 254, 262, 279. (ghi chú: các chỗ [...] là bị mất chữ trong bản in)

[22] P. Huard, Bibliographie de la Médecine chinoise, p.186. No 50.

[23] Ibid. pp.199-200

[24] P. Huard et Wong, Bio-Bibliographie de la Médecine chinoise, p.191.

[25] Xem Y hải cầu nguyên, chương Hư Thực, tr.36.

[26] Xem Châu Ngọc Cách Ngôn, q.thượng, tr.6b, 7a. Trích: bản dịch Châu Ngọc Cách Ngôn của cụ Định Ninh Lê Đức Thiếp (bản đánh máy), tr.24.

[27] Xem Châu Ngọc Cách Ngôn, q.thượng, tr.6a và 7b. Xem bản dịch Châu Ngọc Cách Ngôn của cụ Định Ninh Lê Đức Thiếp (bản đánh máy), tr.24.

[28] Xem Y hải cầu nguyên, chương Âm Dương, tr.8 và chương Tri Tắc, tr.22.

[29] Tứ quân thang: Nhân sâm, Bạch truật (mỗi thứ 2 chỉ), Bạch linh (3 chỉ), Cam thảo (2 chỉ).

[30] Tứ vật thang: Thục địa (2 chỉ), Đương qui, Bạch thược (mỗi thứ 1 chỉ), Xuyên khung (1 chỉ).

[31] Bát vị: Quế, Phụ, Đơn bì, Hoài sơn, Sơn thù, Phục linh, Trạch tả, Thục địa.

[32] Lục vị: Bài Bát vị bỏ Quế, Phụ.

[33] Xem Châu Ngọc Cách Ngôn, q.hạ, tr.22b. Xem bản dịch Châu Ngọc Cách Ngôn của cụ Định Ninh Lê Đức Thiếp (bản đánh máy), tr.57.

[34] Chính vì thế mà Lãn Ông không dùng Ma hoàng thang và Quế chi thang của Trọng Cảnh. Xem P.Huard et M. Durand, Lãn Ông et la Médecine Sino-vietnamienne, p.225.

[35] Nại hà cận y xả chí linh chí biến chi lý, nhi chấp bất linh bất biến chi thành phương. Thị dĩ Tổ vấn vô phương, Nạn Kinh vô phương; phi vô phương dã; vi phương hoạt pháp dã. Hán thể tài hữu phương ư phòng dã. Phùng thị Cẩm Nang, q.1, tr.43b

[36] Phùng thị Cẩm Nang, q.2, chương Thất tình luận, tr.34a.

Bị Chú: Bài này hầu hết được trích ra từ chương Parallèle entre Lãn Ông et les auteurs chinoises từ tr.103 đến 109 trong luận án Y khoa bác sĩ của tác giả, nhan đề là Les Secrets des Reins révélés, luận án y khoa của tác giả, đệ trình tại Y Khoa Đại Học Đường Hà Nội, tháng 12-1952. Luận án này

đã được giáo sư Pierre Huard nhiều lần đề cập tới cũng như toát lược và phê bình. Xin đọc:

- Pierre Huard et M.Durand, La Médecine Sino-vietnamienne (B.S.E.I., N.S., Tome XXVIII, No, 3è trimestre 1953, tr.224-240)
- Pierre Huard, Bibliographie - Études historiques sur l'ancienne médecine au Vietnam et en Chine (B.S.E.I., N.S., Tome XXX, No2, 2è trimestre 1955)

Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 ? - 1791)

»» NGHIÊN CỨU VỀ Y THUẬT CỦA LÃN ÔNG



Hải Thượng Lãn Ông là tên hiệu của Lê Hữu Trác (còn có tên là Lê Hữu Huân), một nho gia và danh y Việt Nam vào cuối đời Hậu Lê. Ông sinh năm 1720 (?), người xã Liêu xá, huyện Đường Hào, trấn Hải Dương (nay thuộc phủ Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Về năm sinh của ông, các sách ghi không thống nhất: Gia phả ghi ngày 12 tháng 11 năm Giáp Thìn (tức 27-12-1724). Các tài liệu khác thì chép năm sinh là 1720 hay 1721.

Ông thuộc một gia đình có nhiều đời đỗ đạt. Cha và chú đều đỗ tiến sĩ và làm quan đến đại thần. Lúc còn trẻ, ông đã nổi tiếng hay chữ. Đến năm 20 tuổi, ông xếp bút nghiên để tòng quân. Đang ở trong quân ngũ, ông phải về quê ngoại là xã Tình Diễm, huyện Hương Sơn, trấn Nghệ An (nay là tỉnh Hà Tĩnh) để phụng dưỡng mẹ già. Tại Hương Sơn, ông nghiên cứu y học, trở thành một y sư danh tiếng. Ông mở trường dạy học và trước tác bộ sách y khoa đồ sộ Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh. Năm 1782, ông được quan Chính Đường (Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo) tiến cử lên kinh đô chữa bệnh cho Thế tử Trịnh Cán (con chúa Trịnh Sâm và Tuyên Phi Đặng Thị Huệ). Tuy việc chữa bệnh không thành, ông đã phải ở kinh đô trong khoảng một năm. Sau khi về Hương Sơn, ông ghi lại những điều mắt thấy tai nghe tại kinh đô trong tác phẩm Thượng Kinh Ký Sự.

Bộ Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh gồm 66 quyển, biên soạn trong 40 năm, là bộ bách khoa thư về y học của Việt Nam vào thế kỷ XVIII. Ngoài giá trị khoa học, bộ y điển này còn có giá trị văn học đáng kể. Y huấn cách ngôn của ông là 9 câu cách ngôn về y đức, thể hiện tấm lòng cao cả của một thầy thuốc. Y dương án và Y âm án là hai tập bệnh án, nhưng đồng thời chúng đã toát lên những sinh hoạt của xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII. Bên cạnh đó, tập bút ký Thượng Kinh Ký Sự đã mô tả hiện thực đời sống tại kinh đô thời bấy giờ. ●

Tham khảo: Từ điển Văn Học, tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983, tr.382-383

